

Số: 156/QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế mua sắm tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-EVN ngày 18/10/2018 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 111/QĐ-HĐTV ngày 05/8/2022 và Quyết định số 81/QĐ-HĐTV ngày 16/5/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN);

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-HĐTV ngày 10/4/2026 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 12/02/2026 của EVN về việc ban hành Quy chế mua sắm trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Quy chế 30);

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-EVN ngày 10/3/2026 của EVN về Danh mục các trường hợp có thể áp dụng ký hợp đồng trực tiếp trong hoạt động mua sắm của EVN (Quyết định 333), bổ sung tại Quyết định số 355/QĐ-EVN ngày 15/3/2026 của EVN;

Xét các Tờ trình số 4934/TTr-EVNNPT ngày 09/9/2026, số 5044/TTr-EVNNPT ngày 15/9/2026 của Tổng giám đốc về việc ban hành Quy chế mua sắm tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng thành viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế mua sắm tại Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng giám đốc EVNNPT, các Phó Tổng giám đốc EVNNPT, Trưởng các Ban thuộc Hội đồng thành viên EVNNPT, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của EVNNPT, Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVNNPT và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy EVNNPT (để báo cáo);
- Các Thành viên HĐQT;
- KSV EVNNPT;
- Các PTGD;
- Lưu: VT, QLĐT, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Trung

(Ban hành kèm theo Quyết định số ../EVNNPT - HĐTV ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về quản lý hoạt động mua sắm để thực hiện dự án đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động thường xuyên trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia; không bao gồm hoạt động lựa chọn nhà thầu các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

a) Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT);

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Hoạt động mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

2. Các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu chưa được quy định cụ thể tại Quy chế này thì áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu.

3. Các Đơn vị được tự quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, thuê nhân công để thực hiện gói thầu mà Đơn vị đã trúng thầu hoặc được giao tự thực hiện và phải ban hành quy định nội bộ để thực hiện thống nhất trong đơn vị.

4. Việc lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Trong Quy chế này, những từ ngữ và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. Luật Đấu thầu: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Quy định của Luật Đấu thầu: là quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đấu thầu, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Đơn vị: là Cơ quan EVNNPT, các đơn vị trực thuộc EVNNPT, các tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong EVNNPT.

4. Người có thẩm quyền: là người quyết định đầu tư đối với dự án hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư đối với dự toán mua sắm theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNNPT, quy định về phân cấp của EVN, EVNNPT.

5. Chủ đầu tư: là EVNNPT; Đơn vị được EVNNPT giao làm chủ đầu tư đối với dự án đầu tư; Đơn vị được giao quản lý, sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh của EVNNPT để thực hiện hoạt động mua sắm.

6. Đấu thầu: là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp.

7. Đơn vị mua sắm: là đơn vị hạch toán phụ thuộc được chủ đầu tư giao hoặc đơn vị độc lập được chủ đầu tư thuê thực hiện công tác chuẩn bị dự án, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu.

8. Hoạt động mua sắm: là hoạt động đấu thầu sử dụng nguồn vốn, chi phí của EVNNPT để thực hiện dự án đầu tư, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động thường xuyên của EVNNPT, Đơn vị.

9. Các từ viết tắt:

a) HSMT: gồm hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển theo Quy định của Luật Đấu thầu.

b) HSDT: gồm hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển theo Quy định của Luật Đấu thầu.

c) KHLCNT: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

d) KQLCNT: Kết quả lựa chọn nhà thầu.

e) SXKD: Sản xuất kinh doanh.

f) TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.

10. Các từ ngữ, từ viết tắt khác được giải thích theo Quy định của Luật Đấu thầu, Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNNPT, quy chế nội bộ của EVNNPT có liên quan.

11. Mọi dẫn chiếu đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật, quy chế nội bộ nào trong Quy chế này sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản, quy chế đó.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu khi tham dự các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này phải đáp ứng các điều kiện về tư cách hợp lệ theo Quy định của Luật Đấu thầu, trừ các điều kiện sau:

1. Nhà thầu không bắt buộc phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi tham dự thầu các gói thầu áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp, chỉ định thầu, mua sắm nhỏ lẻ, gói thầu không tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng, đấu thầu quốc tế.

2. Đối với đấu thầu quốc tế, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quyết định việc bắt buộc hoặc không bắt buộc nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước.

Điều 5. Đấu thầu quốc tế

Ngoài các trường hợp theo Quy định của Luật Đấu thầu, Chủ đầu tư có thể tổ chức đấu thầu quốc tế trong trường hợp xét thấy cần tăng tính cạnh tranh hoặc có khả năng mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu.

Điều 6. Đấu thầu trước

1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục lựa chọn nhà thầu trước khi dự án đầu tư được phê duyệt hoặc trước khi kế hoạch SXKD được duyệt đối với hoạt động mua sắm sử dụng chi phí SXKD, trừ gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án, gói thầu cần thực hiện trước theo chủ trương thực hiện hoặc phương án kỹ thuật, chi phí thực hiện được Người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hoạt động đấu thầu trước đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu.

3. Đối với các gói thầu sử dụng chi phí SXKD:

a) Chủ đầu tư quyết định áp dụng đấu thầu trước khi xét thấy cần thiết để đẩy nhanh tiến độ công việc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Các thủ tục lựa chọn nhà thầu được thực hiện trước khi kế hoạch SXKD được duyệt khi áp dụng đấu thầu trước bao gồm:

- (i) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- (ii) Xác định danh sách ngắn (nếu có);
- (iii) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời thầu;
- (iv) Đánh giá hồ sơ dự thầu;

(v) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu.

c) Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi kế hoạch SXKD được duyệt hoặc sau khi có danh mục hoặc chủ trương được người có thẩm quyền phê duyệt.

d) Các nội dung khác áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu về đấu thầu trước đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư.

Điều 7. Bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm dự thầu được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp; trừ gói thầu có giá gói thầu không quá 50 triệu đồng thì nhà thầu không phải thực hiện bảo đảm dự thầu.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ trường hợp nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện, mua sắm nhỏ lẻ hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng. Đối với gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu, gói thầu tư vấn, căn cứ tính chất gói thầu, chủ đầu tư quyết định việc áp dụng hoặc không áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Các biện pháp bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng gồm:

a) Đặt cọc;

b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Thư bảo lãnh phải là bảo lãnh không hủy ngang, được thanh toán vô điều kiện khi chủ đầu tư có yêu cầu.

4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có giá trị thấp hơn so với yêu cầu tại HSMT;

b) Thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu tại HSMT;

c) Không đúng tên đơn vị thụ hưởng, tên nhà thầu được bảo lãnh;

d) Không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ hoặc ký trước khi chủ đầu tư phát hành HSMT;

e) Có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết bảo lãnh theo yêu cầu của HSMT.

5. Đối với nhà thầu liên danh, chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh trường hợp một trong các thành viên liên danh vi phạm hợp đồng.

6. Trường hợp gói thầu có yêu cầu về bảo hành, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành hoặc tách nghĩa vụ bảo hành để bảo lãnh riêng.

Điều 8. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Chủ đầu tư quyết định việc áp dụng hoặc không áp dụng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

2. Đối với gói thầu có áp dụng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu:

a) Chủ đầu tư quyết định áp dụng ưu đãi trong phạm vi đối tượng, các ưu đãi theo Quy định của Luật Đấu thầu.

HSMT yêu cầu nhà thầu phải cung cấp kèm theo HSDT các tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu. Trường hợp HSDT của nhà thầu chỉ kê khai thông tin mà không kèm theo hoặc không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh các ưu đãi thì không xem xét các ưu đãi này trong quá trình đánh giá HSDT mà không cần làm rõ.

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm soát việc nhà thầu đáp ứng các nội dung ưu đãi đã kê khai trong HSDT để đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định của EVNNPT.

Điều 9. Tổ chuyên gia

1. Tổ chuyên gia gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm, đơn vị tư vấn đấu thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện một hoặc các công việc: lập HSMT, đánh giá HSDT, thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Cá nhân tham gia tổ chuyên gia, phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm trong đấu thầu;

c) Có tối thiểu 03 năm công tác thuộc một trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung pháp lý, kỹ thuật, tài chính nêu trong HSMT của gói thầu.

d) Có chứng nhận đào tạo hoặc bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về đấu thầu theo quy định của EVN/EVNNPT hoặc chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu. Tổng giám đốc EVNNPT quy định cụ thể nội dung này.

Đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án hoặc Trường hợp cần lấy ý kiến hoặc huy động chuyên gia chuyên ngành không thuộc nhân sự của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đấu thầu thì các chuyên gia này không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm d) Điều này.

Đối với các gói thầu mà thành viên tổ chuyên gia là tư vấn cá nhân hoặc thuộc tổ chức đấu thầu thì phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Pháp luật về Đấu thầu hiện hành.

Điều 10. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Căn cứ lập KHLCNT

a) Căn cứ lập KHLCNT đối với dự án đầu tư áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu.

b) Đối với hoạt động mua sắm không thuộc dự án đầu tư, căn cứ lập KHLCNT gồm:

- Kế hoạch SXKD được duyệt; hoặc
- Chủ trương thực hiện hoặc phương án kỹ thuật, chi phí thực hiện được Người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung KHLCNT

a) KHLCNT bao gồm các nội dung theo Quy định của Luật Đấu thầu.

b) Việc phân chia các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự triển khai thực hiện hoạt động mua sắm. Quy mô của gói thầu phải phù hợp với năng lực của các nhà thầu trên thị trường để đảm bảo hiệu quả của công tác đấu thầu.

3. Chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt KHLCNT làm cơ sở để thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước theo quy định tại Điều 6 Quy chế này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án hoặc phê duyệt kế hoạch SXKD, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án hoặc được giao quản lý công tác sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi công việc của gói thầu tổ chức lập và phê duyệt KHLCNT.

4. Đối với các gói thầu không thuộc dự án đầu tư, trường hợp áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp, mua sắm nhỏ lẻ theo quy định tại Quy chế này thì KHLCNT có thể thay thế bằng chủ trương, đề xuất mua sắm được phê duyệt, chấp thuận.

Điều 11. Hồ sơ mời thầu

1. Hồ sơ mời thầu bao gồm các yêu cầu cho gói thầu về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, dự thảo hợp đồng và các nội dung khác. Chủ đầu tư quyết định bổ sung vào hồ sơ mời thầu các tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm ngoài các tiêu chí theo Quy định của Luật Đấu thầu để đảm bảo lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực thực hiện gói thầu.

2. Quy định về đồng tiền dự thầu, đồng tiền thanh toán trong hồ sơ mời thầu thực hiện theo Quy định của Luật Đấu thầu và pháp luật về quản lý ngoại hối có liên quan.

3. Căn cứ tính chất, quy mô gói thầu, chủ đầu tư có thể yêu cầu thực hiện khảo sát, bổ sung thông tin các nhà thầu có khả năng đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu khi phê duyệt hồ sơ mời thầu.

Điều 12. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Các Đơn vị tổ chức lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (VNEPS) đối với tất cả gói thầu, trừ trường hợp gói thầu chưa được VNEPS hỗ trợ. Sau khi hệ thống đấu thầu điện tử của EVN được xây dựng và đưa vào vận hành chính thức, công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu được thực hiện trên hệ thống đấu thầu điện tử của EVN theo lộ trình chuyển đổi được Tổng giám đốc EVNNPT quy định.

2. Trường hợp Đơn vị chuyển từ hình thức đấu thầu không qua mạng theo KHLCNT được duyệt sang đấu thầu qua mạng thì không cần phê duyệt hiệu chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu trong KHLCNT.

3. Khi áp dụng các hình thức mua sắm nhỏ lẻ, ký hợp đồng trực tiếp, chỉ định thầu theo quy định tại Quy chế này, Chủ đầu tư có thể chỉ định, giao nhiệm vụ cho một bộ phận hoặc một số cá nhân thuộc quyền quản lý của mình để thực hiện toàn bộ công tác mua sắm, không bắt buộc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu.

4. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu thuộc trường hợp được áp dụng chỉ định thầu theo Quy định của Luật Đấu thầu nhưng chủ đầu tư lựa chọn tổ chức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh không qua mạng thì chủ đầu tư có thể quyết định rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu so với Quy định của Luật Đấu thầu và quy định cụ thể trong HSMT khi phát hành.

5. Các quy định về hủy thầu, đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, xử lý tình huống trong đấu thầu thực hiện theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 13. Đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Quy trình đánh giá hồ sơ dự thầu:

a) Quy trình 01 áp dụng cho tất cả các gói thầu, gồm: đánh giá tính hợp lệ của HSDT; đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; đánh giá về kỹ thuật; đánh giá về tài chính;

b) Quy trình 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn, xây lắp, hỗn hợp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ

sơ, sử dụng phương pháp “giá thấp nhất”:

- Tổ chuyên gia đánh giá đề xuất tài chính và xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có);

- Đánh giá tính hợp lệ HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

- Đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

c) Đối với gói thầu áp dụng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT quy định trong HSMT, tổ chuyên gia lựa chọn một trong hai quy trình quy định tại điểm a, điểm b khoản này để đánh giá HSDT.

2. Trường hợp chủ đầu tư giao Đơn vị mua sắm tổ chức lựa chọn nhà thầu, tổ chuyên gia đánh giá và lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gửi Đơn vị mua sắm xem xét, trình chủ đầu tư phê duyệt. Tờ trình của Đơn vị mua sắm phải nêu rõ ý kiến thống nhất, không thống nhất với kết quả đánh giá của tổ chuyên gia và đề xuất của Đơn vị mua sắm.

Điều 14. Thẩm định

1. Đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư, Chủ đầu tư tổ chức thẩm định KHLCNT, HSMT, KQLCNT, trừ gói thầu áp dụng hình thức mua sắm nhỏ lẻ.

2. Đối với gói thầu không thuộc dự án đầu tư:

a) Không phải thẩm định KHLCNT;

b) Không phải thực hiện công tác thẩm định đối với gói thầu áp dụng hình thức mua sắm nhỏ lẻ;

c) Không bắt buộc thẩm định các nội dung trong đấu thầu đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu, ký hợp đồng trực tiếp.

d) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định HSMT, KQLCNT đối với các gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản này.

3. Chủ đầu tư thành lập tổ thẩm định hoặc giao nhiệm vụ cho phòng, ban, bộ phận chuyên môn thuộc quyền quản lý hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện công tác thẩm định quy định tại Điều này. Cá nhân tham gia thẩm định phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Điều 15. Thông tin đấu thầu

1. Thông tin về đấu thầu bao gồm:

- a) Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;
- c) Thông báo mời thầu;
- d) Danh sách ngắn;

đ) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);

e) Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng;

g) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

h) Thông tin chủ yếu của hợp đồng;

i) Thông tin xử lý vi phạm về đấu thầu;

k) Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu;

l) Thông tin khác có liên quan.

2. Các thông tin về đấu thầu phải được đăng tải trên hệ thống phần mềm quản lý đầu tư xây dựng của EVN, hệ thống thông tin đấu thầu của EVN Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (trừ các thông tin chưa được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hỗ trợ) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành hoặc hợp đồng có hiệu lực và được cập nhật thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện gói thầu; khuyến khích đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3. Các thông tin, hồ sơ tài liệu trong quá trình lựa chọn nhà thầu phải được chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm và các tổ chức, cá nhân liên quan bảo mật theo quy định của pháp luật và EVNNPT.

Điều 16. Trách nhiệm trong công tác lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm của Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong công tác lựa chọn nhà thầu áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với các gói thầu Chủ đầu tư giao Đơn vị mua sắm tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Đơn vị mua sắm có trách nhiệm:

- (i) Trình duyệt KHLCNT, HSMT, KQLCNT;

- (ii) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, tổ chức đánh giá HSDT;
- (iii) Quyết định thành lập tổ chuyên gia;
- (iv) Trả lời làm rõ HSMT;
- (v) Yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT trong quá trình đánh giá hồ sơ;
- (vi) Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có);
- (vii) Bảo mật các tài liệu trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- (viii) Bảo đảm trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- (ix) Đăng tải các thông tin về đấu thầu theo quy định tại Quy chế này; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;
- (x) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về quá trình lựa chọn nhà thầu.

b) Tổ chuyên gia có trách nhiệm:

- (i) Lập HSMT, trừ trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn đấu thầu thực hiện các công việc này;
- (ii) Đánh giá HSDT; đề xuất với chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có);
- (iii) Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- (iv) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Đơn vị tổ mua sắm, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;
- (v) Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với các gói thầu do EVNNPT làm chủ đầu tư, quyền, trách nhiệm của chủ đầu tư do Tổng giám đốc EVNNPT thực hiện.

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 17. Các hình thức lựa chọn nhà thầu

1. Chủ đầu tư quyết định áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu theo Quy định của Luật Đấu thầu hoặc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác được quy định tại Quy chế này để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư, gói thầu mua sắm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động thường xuyên của đơn vị mình.

2. Trình tự, thủ tục, điều kiện thực hiện các hình thức lựa chọn nhà thầu nếu không có quy định khác tại Quy chế này thì áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 18. Tự thực hiện

1. Tự thực hiện là việc chủ đầu tư trực tiếp thực hiện hoặc giao cho phòng, ban, đơn vị hạch toán phụ thuộc trong đơn vị mình hoặc cùng hạch toán phụ thuộc một đơn vị cấp trên để thực hiện một hoặc nhiều gói thầu do mình quản lý. Đơn vị, bộ phận được giao tự thực hiện không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị trên 30% giá trị công việc của gói thầu.

2. Đối với công tác giám sát phần công việc áp dụng hình thức tự thực hiện, chủ đầu tư có thể tổ chức bộ máy độc lập nội bộ để thực hiện giám sát và đảm bảo chất lượng công việc.

Điều 19. Chỉ định thầu

1. Hình thức chỉ định thầu được áp dụng đối với:

a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay các yếu tố đe dọa xảy ra sự cố hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

b) Gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Các trường hợp chỉ định thầu theo Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu được xác định như sau:

a) Dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không vượt quá 01 tỷ đồng;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không vượt quá 03 tỷ đồng;

c) Gói thầu phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.

3. Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu, EVNNPT, Đơn vị được lựa chọn áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 20. Ký hợp đồng trực tiếp

1. Ký hợp đồng trực tiếp là việc chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của gói thầu để đàm phán và ký kết hợp đồng. Hình thức ký hợp đồng trực tiếp được áp dụng đối với các hoạt động mua sắm khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác không đáp ứng tính đặc thù, hoặc mức độ cấp thiết, hoặc hiệu quả công việc;

b) Lựa chọn nhà thầu là các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam để cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của EVNNPT.

c) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ là kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, EVN hoặc EVNNPT đặt hàng.

2. Tổng giám đốc EVNNPT quy định về các trường hợp được phép áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp theo từng thời kỳ.

3. Khi áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp, chủ đầu tư phê duyệt KHLCNT hoặc phê duyệt chủ trương mua sắm, phạm vi công việc, chi phí, đơn vị dự kiến thực hiện hợp đồng (kèm theo tóm tắt năng lực, kinh nghiệm) trước khi tiến hành đàm phán và ký hợp đồng trực tiếp. Chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về sự phù hợp, cần thiết áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp đối với từng gói thầu cụ thể.

Điều 21. Mua sắm nhỏ lẻ

1. Mua sắm nhỏ lẻ áp dụng đối với các hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ thông dụng, sẵn có trên thị trường có giá trị mua sắm không quá 100 triệu đồng mỗi lần mua.

Trên cơ sở đề xuất mua sắm được Chủ đầu tư phê duyệt, Đơn vị mua sắm hoặc bộ phận được giao mua sắm thực hiện mua sắm trực tiếp ngoài thị trường.

2. Hoạt động mua sắm nhỏ lẻ không bắt buộc phải lập KHLCNT, dự toán gói thầu, ký hợp đồng với nhà cung cấp, nhưng phải đảm bảo chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định pháp luật.

Điều 22. Mua sắm tập trung

1. Tổng giám đốc EVNNPT quyết định danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện mua sắm tập trung để sử dụng trong Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia

theo từng thời kỳ.

2. Đối với các hàng hóa, dịch vụ được EVN đề xuất tổ chức mua sắm tập trung tại EVN mà EVNNPT có nhu cầu sử dụng, EVNNPT làm báo cáo EVN đề nghị EVN thực hiện mua sắm tập trung cho EVNNPT.

3. Quy trình, thủ tục mua sắm tập trung áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 23. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Trường hợp gói thầu có các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các quy định tại Quy chế này thì chủ đầu tư lập phương án lựa chọn nhà thầu phù hợp với đặc thù của gói thầu trình Hội đồng thành viên EVNNPT xem xét phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

Điều 24. Phương thức lựa chọn nhà thầu

1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ có thể áp dụng trong trường hợp:

a) Đấu thầu rộng rãi gói thầu tư vấn đơn giản có giá gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu;

b) Các trường hợp khác theo Quy định của Luật Đấu thầu.

2. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ có thể áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế các gói thầu sau:

a) Gói thầu áp dụng phương pháp đánh giá kết hợp giữa kỹ thuật và giá;

b) Gói thầu hỗn hợp;

c) Gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

d) Các trường hợp khác theo Quy định của Luật Đấu thầu.

CHƯƠNG VI

GIÁM SÁT, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG ĐẤU THẦU

Điều 25. Thanh tra, kiểm tra, giám sát trong đấu thầu

1. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đấu thầu thực hiện theo quy định về công tác thanh tra, kiểm tra của EVNNPT và các quy định pháp luật liên quan.

2. Người có thẩm quyền giao đơn vị trực thuộc hoặc cá nhân có chuyên môn thực hiện việc giám sát hoạt động đấu thầu đối với dự án, gói thầu thuộc phạm vi quản lý của mình nếu cần thiết.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi bị cấm trong đấu thầu áp dụng theo Quy định của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp có quy định khác trong Quy chế này.

2. Đơn vị, cá nhân thuộc EVNNPT có hành vi vi phạm trong đấu thầu sẽ bị xem xét xử lý vi phạm theo quy định của EVNNPT.

3. Nhà thầu có hành vi vi phạm trong đấu thầu, vi phạm trong thực hiện hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các chế tài sau:

a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 02 năm đến 05 năm đối với các hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ; can thiệp trái phép vào hoạt động đấu thầu; thông thầu, gian lận, chuyển nhượng thầu;

b) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 năm đến 02 năm đối với các hành vi cản trở trong đấu thầu;

c) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với nhà thầu bị đánh giá chất lượng thực hiện hợp đồng ở mức không đạt theo quy định của EVN, EVNNPT;

d) Nhà thầu bị EVNNPT, Đơn vị cấm tham gia hoạt động đấu thầu sẽ không được tham dự thầu tất cả các gói thầu do EVNNPT, Đơn vị tổ chức trong thời gian bị cấm.

4. Người có thẩm quyền quyết định xử lý vi phạm đối với các gói thầu thuộc phạm vi quản lý của mình trong thời hạn:

a) 06 tháng kể từ ngày phát hiện nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này;

b) 03 tháng kể từ ngày kết quả đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu được chủ đầu tư phê duyệt đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Công khai thông tin xử lý vi phạm:

a) Quyết định xử lý vi phạm phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi Ban Quản lý đấu thầu EVNNPT để theo dõi, tổng hợp;

b) Thông tin nhà thầu bị xử lý vi phạm phải được đăng tải công khai theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý điều hành, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình, Tổng giám đốc EVNNPT:

a) Quy định nguyên tắc áp dụng trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định tại Quy chế này và Quy định của Luật Đấu thầu khi tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu của EVNNPT.

b) Ban hành quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện công tác đấu thầu, mua sắm trong EVNNPT phù hợp với các quy định tại Quy chế này.

c) Ban hành hệ thống đánh giá chất lượng nhà thầu làm cơ sở để xử lý vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 26 Quy chế này.

2. Nguyên tắc thực hiện quy chế:

a) Áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp đơn vị quy định hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại Quy chế này phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

b) Tăng cường phân cấp, phân quyền, giao trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo cấp dưới chủ động quyết định, thực hiện hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu theo quy định tại Quy chế này và Quy định của Luật Đấu thầu; nghiêm cấm đặt ra các quy định riêng, khác biệt với Quy định của Luật Đấu thầu về giám sát, kiểm tra trước hoặc yêu cầu Giám đốc đơn vị trực thuộc phải xin ý kiến đối với hoạt động đấu thầu làm kéo dài thời gian, cản trở hoặc can thiệp trái thẩm quyền vào hoạt động đấu thầu tại các đơn vị.

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong hoạt động đấu thầu của đơn vị; thường xuyên theo dõi để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót, sai phạm trong hoạt động đấu thầu của Giám đốc đơn vị trực thuộc.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Các gói thầu thuộc dự án đầu tư đã phát hành HSMT trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Quy định của Luật Đấu thầu.

b) Các gói thầu sử dụng chi phí SXKD của EVNNPT đã phát hành HSMT trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 849/QĐ-EVNNPT ngày 27/5/2025 và Quy định của Luật Đấu thầu